

Bản án số: 246/2024/HS-ST

Ngày 06-9-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Chanh và ông Nguyễn Đức Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Hải, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại 02 điểm cầu:

+ Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử số 3 Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, địa chỉ: Ô đất A-VP, Khu C, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội;

+ Điểm cầu thành phần: Trại Tạm giam số 1 Công an thành phố H, địa chỉ: Ngõ G P, quận N, thành phố Hà Nội.

Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 207/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

HÁN MINH THƠ, sinh ngày 06/01/2005; ĐKKHKT và nơi ở: khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hán Minh Q (đã chết) và bà Trần Thị L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 20/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt Hán Minh T 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, được coi là không có án tích;

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 134/QĐ-XPHC ngày 22/10/2021 của Phó trưởng Công an thị xã P, tỉnh Phú Thọ xử phạt Hán Minh T về hành vi tàng trữ dao, tuýp sắt nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác, mức phạt 1.250.000 đồng; đã đủ thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-XPHC ngày 27/4/2022 của Phó trưởng Công an thị xã P, tỉnh Phú Thọ xử phạt Hán Minh T về hành vi gây thương tích cho người khác, mức phạt 3.250.000 đồng; đã đủ thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 16/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố H; có mặt tại phiên tòa tại điểm cầu thành phần.

Bị hại: Anh Như Văn T1, sinh năm 1994; ĐKKHKT: thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi ở: P Nhà số N LK69 Khu Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác: Ông Nguyễn Chí H, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hán Minh T ở cùng phòng trọ với anh Như Văn T1 tại Phòng 401 Nhà số N, LK69 Khu đất dịch vụ C, phường L, quận H, thành phố Hà Nội từ giữa tháng 3 năm 2024. Chiều 30/3/2024, anh T1 để tài sản là 01 túi da đeo chéo màu nâu trong tủ gỗ đựng quần áo ở trong phòng trọ (tủ có khóa nhưng anh T1 không khóa tủ) rời khỏi phòng trọ để đi chơi, trong túi đeo chéo có tài sản gồm: số tiền 50.000.000 đồng (đều là các tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC Wildfire E3 Lite và 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo TB J607F màu trắng, đều đã qua sử dụng.

Khoảng 07 giờ ngày 31/3/2024, T mở tủ quần áo trong phòng thì thấy túi đeo chéo của anh T1 bên trong để các tài sản nêu trên, T thấy anh T1 đi chơi chưa về,

trong phòng không có người, tài sản để sơ hở nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh T1. T lấy túi đeo chéo (bên trong để các tài sản trên) đeo lên vai, thu dọn đồ đạc cá nhân của mình rồi rời khỏi phòng đi lang thang ở Hà Nội. Quá trình T đi lang thang ở Hà Nội, do T mới xuống Hà Nội nên không nhớ cụ thể địa chỉ nơi ở. Đối với số tài sản Thờ trộm cắp của anh T1, T đã ăn tiêu hết số tiền 50.000.000 đồng; túi đeo chéo, điện thoại di động và máy tính bảng thì T giữ lại để sử dụng.

Chiều ngày 31/3/2024, anh T1 về phòng trọ phát hiện bị mất số tài sản trên, kiểm tra camera an ninh khu trọ phát hiện thấy hình ảnh T đeo túi chéo của mình đi ra khỏi khu trọ. Nghi ngờ Thờ trộm cắp tài sản, ngày 14/5/2024, anh T1 đến Công an phường L trình báo sự việc.

Ngày 15/5/2024, Hán Minh T đến Công an phường L đầu thú, giao nộp tài sản trộm cắp gồm túi, điện thoại, máy tính bảng và khai nhận toàn bộ nội dung vụ việc như trên.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Hán Minh T tại khu Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ nhưng không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Vật chứng thu giữ do Hán Minh T giao nộp: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HTC Wildfire E3 Lite, số IMEI 358949930186289, IMEI 2: 358949930186297; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo TB-J607F màu trắng; 01 (một) túi da đeo chéo màu nâu; đều đã qua sử dụng, là tài sản Thờ chiếm đoạt của anh T1.

Kết luận định giá tài sản số 83/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận H, kết luận: Giá trị: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu HTC Wildfire E3 Lite, số IMEI 358949930186289, IMEI2 358949930186297 là 1.840.000 đồng, 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo TB-J607F màu trắng là 4.400.000 đồng, 01 (một) túi da đeo chéo màu nâu là 50.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 6.290.000 đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản Hán Minh T trộm cắp của anh T1 là 56.290.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra, Hán Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số 202/CT-VKS-HĐ ngày 07/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Hán Minh T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội luận tội cho rằng tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận tội phù hợp các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên giữ nguyên nội dung truy tố. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác. Bị cáo đã 01 lần bị kết án nhưng không lấy làm bài học lại tiếp tục phạm tội, cần xử lý nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc bị cáo trả anh Như Văn T1 50.000.000 đồng.

Bị hại anh Như Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, trong giai đoạn điều tra anh T1 khai đã được Cơ quan điều tra trả lại 01 điện thoại nhãn hiệu HTC, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo, 01 túi da đeo chéo màu nâu, anh T1 không yêu cầu bồi thường gì về số tài sản đã được nhận lại; anh T1 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền 50.000.000 đồng; đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật (BL95 đến 99).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về đánh giá chứng cứ trong vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 31/3/2024, tại Phòng 401 Nhà số N, LK69 Khu đất dịch vụ C, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, Hán Minh T đã chiếm đoạt của anh Như Văn T1 tài sản gồm: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu HTC giá trị 1.840.000 đồng; 01 (một) máy tính bảng nhãn hiệu Lenovo giá trị 4.400.000 đồng; 01 (một) túi da đeo chéo màu nâu giá trị 50.000 đồng và số tiền 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Hán Minh T chiếm đoạt của anh Như Văn T1 là 56.290.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Hán Minh T là lén lút chiếm đoạt tài sản, thỏa mãn dấu hiệu của tội Trộm cắp tài sản. Căn cứ giá trị tài sản bị chiếm đoạt, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết có ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: hành vi của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh, ý thức coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác, coi thường pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;
- Bị cáo đầu thú, giao nộp một phần tài sản chiếm đoạt, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 127/2022/HS-ST ngày 20/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xử phạt Hán Minh T 14 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/5/2023. Tuy nhiên, khi phạm tội bị cáo 17 tuổi 3 tháng 24 ngày, trong độ tuổi từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi, bị cáo bị kết án về tội nghiêm trọng, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự, bị cáo được coi là không có án tích nên lần phạm tội trong vụ trộm cắp tài sản này không bị áp dụng tình tiết tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo 02 lần bị xử phạt hành chính, ngày 05/5/2022 nộp phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 134/QĐ-XPHC ngày 22/10/2021 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 71/QĐ-XPHC ngày 27/4/2022 (BL45, 47); áp dụng Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, đã đủ thời gian được coi là chưa bị xử lý hành chính. Xét bị cáo có nhân thân xấu, cần xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng trừng trị,

giáo dục bị cáo thành người có ý thức chấp hành pháp luật; đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4] Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào hình phạt tù, cứ mỗi ngày tạm giữ, tạm giam được tính trừ một ngày tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã giao nộp điện thoại, máy tính và túi đồ Cơ quan điều tra trả lại bị hại, bị hại đã nhận và không yêu cầu bồi thường gì đối với số tài sản này nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã ăn tiêu hết, bị hại yêu cầu bị cáo trả lại nên cần buộc bị cáo trả số tiền trên cho bị hại.

[6] Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hán Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hán Minh T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 117, 119, 131, 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Hán Minh T trả anh Như Văn T1 số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hán Minh T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Áp dụng các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/9/2024; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú, hoặc cư trú cuối cùng.

Nơi nhận:

- Công an quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân quận Hà Đông;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Trại Tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ánh